

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Gây mê Hồi sức

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN ĐỨC LAM**

2. Ngày tháng năm sinh: 19/9/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: **xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 28, ngõ 191/63 phố Khương Thượng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ:

Nguyễn Đức Lam

Số 28, ngõ 191/63 phố Khương Thượng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: (024) 36 856 120; Điện thoại di động: 0904 220 301

Địa chỉ E-mail: lamgmhs75@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 1993 - 1999: Sinh viên hệ chính quy Đa khoa, Trường Đại học Y Hải Phòng.

Từ 2000 - 2002: Học viên Lớp Bác sỹ Nội trú bệnh viện khóa 24, chuyên ngành Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ 2002 - 2003: Học Bác sỹ Nội trú (FFI), chuyên ngành Gây mê hồi sức, Cộng hòa Pháp.

Từ 2003 - 2005: Học viên Lớp Bác sỹ Nội trú bệnh viện khóa 25, chuyên ngành gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội.

2005 - 2006: Bác sỹ khoa Hồi sức ngoại, Bệnh viện Việt Tiệp, Hải Phòng.

Từ 2006 - 2014: Bác sỹ khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Từ 2014 - 2015: Giảng viên Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội. Bác sỹ khoa Gây mê hồi sức Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

2015 - nay (2019): Giảng viên Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội. Phó Trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Chức vụ hiện nay: Giảng viên Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội; Phó Trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay:

Bộ môn Gây mê hồi sức - Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1, Tôn Thất Tùng, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan.: (+84)02 438523798;

Địa chỉ E-mail: daihocyhn@hmu.edu.vn; Fax: (+84 024) 438525115

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có) :.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 9 năm 1999, ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ Đa khoa.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hải Phòng, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sỹ Nội trú Bệnh viện ngày 20 tháng 10 năm 2005, ngành:Y, chuyên ngành: Gây mê hồi sức.

Nơi cấp bằng Bác sỹ Nội trú Bệnh viện: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 8 năm 2009, ngành:Y, chuyên ngành: Gây mê hồi sức

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 12 năm 2013, ngành: Y, chuyên ngành: Gây mê hồi sức.

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Gây mê hồi sức trong bệnh lý tiền sản giật.*

- *Nghiên cứu loại thuốc, liều lượng, vị trí gây tê và tư thế bệnh nhân trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai.*

- *Giảm đau trong chuyển dạ và giảm đau sau mổ sản phụ khoa.*

- *Xử trí hồi sức các bệnh lý nặng và xử trí các biến chứng, tác dụng không mong muốn của gây mê và phẫu thuật.*

- *Gây mê ngoại trú cho các thủ thuật, phẫu thuật sản phụ khoa ra viện trong ngày.*

- *Gây mê hồi sức cho các phẫu thuật nhi khoa.*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính: 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ.

- Đang hướng dẫn: 04 HVCH làm luận văn Thạc sỹ y học.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Đã chủ trì 07 đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc.
- Đã công bố 82 bài báo khoa học.
- Số sách đã xuất bản: 06 cuốn dùng cho đào tạo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ y tế năm 2007.

Bằng khen của Công đoàn y tế Việt Nam năm 2010.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, thời hạn hiệu lực từ ... đến): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SU'

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu chăm sóc giáo dục sinh viên.
- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc vì sự phát triển bền vững của Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội và Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị
- Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với sinh viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho sinh viên và đồng nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Bệnh viện.
- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp. Lên lớp đúng giờ.
- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt, thể hiện có nhiều sinh viên giỏi. Đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ bệnh nhân.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Nhà trường và Bệnh viện.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015						249	249/341,8/280
2	2015-2016			01		20	310	330/438,4/270
3	2016-2017			02		20	273	293/381,4/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018			02		20	223	243/325,8/270
5	2018-2019			02	01	20	244	264/340/270
6	2019-2020			04		45	310,4	355,4/355,4/270

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số [64/2008/QĐ-BGDĐT](#) ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số [36/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 15/12/2010 và Thông tư số [18/2012/TT-BGDĐT](#) ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp.

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:.....; năm cấp:....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: Tiếng Pháp B2 Châu Âu.

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK 2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Anh Thơ		x	x		2015-2016	Đại học Y Hà Nội	2016
2	Phạm Lê Hoàn		x	x		2016-2017	Đại học Y Hà Nội	2017
3	Đoàn Trung Quyền		x	x		2016-2017	Đại học Y Hà Nội	2017
4	Nguyễn Thị Thanh		x	x		2017-2018	Đại học Y Hà Nội	2018
5	Bùi Minh Hồng		x	x		2017-2018	Đại học Y Hà Nội	2018
6	Nguyễn Duy Khánh		x	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	2019
7	Lê Anh Tuấn		x	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	2019
8	Nguyễn Thị Thu Ba		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	Chưa BV
9	Võ Thế Trung		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	Chưa BV
10	Vũ Văn Hiệp		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	Chưa BV
11	Nguyễn Thị Phương		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	Chưa BV

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phản biên soạn	Xác nhận của cs GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ Tiến sĩ						
1	Gây mê hồi sức (Sách dùng cho đào tạo sau đại học)	GT	Nhà xuất bản y học, năm 2014	12	Tham gia biên soạn từ tr.241-247 và từ tr.301- 311	Quyết định số 3390/QĐ-ĐHYHN ngày 25/9/2014
2	Gây mê hồi sức Sản khoa - những điều cần biết	TK	Nhà xuất bản y học, 2014	2	Đồng chủ biên	Quyết định số 1428/QĐ-ĐHYHN ngày 23/5/2016
3	Xử trí hồi sức cấp cứu trong sản phụ khoa	TK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	2	Tham gia biên soạn từ tr.47-109	Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017
4	Giáo trình Sản phụ khoa, tập 2	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	4	Tham gia biên soạn Từ tr.395-420	Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017
5	Bài giảng Gây mê hồi sức cơ sở	GT	Nhà xuất bản Y học, 2017	14	Tham gia biên soạn từ 164-167	Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017
6	Gây mê hồi sức cho sản phụ tiền sản giật, sản giật : Cơ sở lý luận và áp dụng lâm sàng	CK	Nhà xuất bản Y học, 2019	1	Chủ biên	Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 17/7/2019

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 01 sách chuyên khảo.

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ Tiến sĩ					
1	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp an thần do bệnh nhân tự điều khiển bằng Propofol trong hút thai dưới 12 tuần	CN	BV PSHN	2016	15/12/2016 Xuất sắc
2	Nghiên cứu hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn đường bụng của gây tê ngoài màng cứng bằng truyền liên tục Levobupivacain 0,075% và Fentanyl 1 mcg/ml	CN	BV PSHN	2016	15/12/2016 Xuất sắc
3	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ đẻ của gây tê ngoài màng cứng bằng Ropivacain ở hai nồng độ 0,1% và 0,15% phối hợp Fentanyl 2mcg/ml	CN	BV PSHN	2017	13/10/2017 Xuất sắc
4	Đánh giá hiệu quả của Phenylephrin điều trị hạ huyết áp trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	CN	BV PSHN	2017	13/10/2017 Xuất sắc
5	So sánh tác dụng của gây tê tủy sống bằng Ropivacain các liều thấp khác nhau kết hợp Fentanyl cho phẫu thuật phụ khoa ra viện trong ngày	CN	BV PSHN	2018	20/11/2018 Xuất sắc
6	Đánh giá hiệu quả dự phòng tụt huyết áp của Phenylephrin trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	CN	BV PSHN	2018	20/11/2018 Xuất sắc
7	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ lấy thai bằng phương pháp gây tê cơ vuông thắt lưng dưới hướng dẫn của siêu âm	CN	BV PSHN	2019	18/11/2019 Xuất sắc

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố.

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
1	Nghiên cứu kết hợp bupivacain với morphin trong gây tê tủy sống để mổ và giảm đau sau mổ lấy thai	3		Tạp chí y học Việt Nam			352/1; 47-52	2008
2	So sánh tác dụng trên tim mạch và tác dụng gây co cơ tử cung trong mổ lấy thai khi sử dụng oxytocin tiêm tĩnh mạch trực tiếp có hay không pha loãng hoặc truyền tĩnh mạch	3		Tạp chí y học Việt Nam			353/1; 28-34	2009
3	Đánh giá tác dụng của ropivacain 0,1% phối hợp với fentanyl 2 mcg/ml gây tê ngoài màng cứng giảm đau trong đẻ	2	x	Tạp chí thông tin y dược			6; 26-28	2010
4	So sánh hiệu quả và các tác dụng phụ của gây tê tủy sống với gây mê nội khí quản để mổ lấy thai ở bệnh nhân tiền sản giật nặng	3	x	Tạp chí y học thực hành			744; 101- 105	2010
5	Đánh giá hiệu quả của phương pháp gây tê tủy sống và ngoài màng cứng phối hợp (CSE) trong vô cảm để mổ và giảm đau sau mổ lấy thai ở bệnh nhân tiền sản giật nặng	3	x	Tạp chí Phụ sản			10/2; 213- 218	2012
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
Công trình khoa học đăng trên tạp chí quốc tế								
6	The spinal anesthesia and combined spinal epidural anesthesia versus general anesthesia for cesarean section in severe pre-eclampsia: A Randomized controlled trial study	2	x	Sciences of Europe, Medical sciences			2/19; 45-49	2017

7	Valuating concentration of CEA, CA 19-9 and some biochemical parameters in patients with colorectal cancer	3		Asian Journal of Research in pharmaceutical sciences and biotechnology			5/3; 42-48	2017
8	Comparison of Doppler-Guided Transanal Hemorrhoidal Dearterialization for Grade III and IV Hemorrhoids in Vietnam	6		<u>Advances in Therapy</u>	ISI, Scopus		10/4; 1-10	2019
9	Socioeconomic inequalities in post-natal health checks for the newborn in Vietnam.	6	x	International Journal for Enquity in Health	ISI, Scopus		18:28	2019
10	Evaluate the Pain Relief effects after cesarean delivery by Ultrasound – guided Transversus Abdominis Plane (TAP) block in Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital, Vietnam.	3	x	Genetics and Molecular Research	Scopus		209-220	2020
Công trình khoa học đăng trên tạp chí trong nước								
11	Đánh giá hiệu quả của phương pháp gây tê tủy sống và gây tê tủy sống – ngoài màng cứng phối hợp để mổ lấy thai ở bệnh nhân tiền sản giật nặng	3	x	Tạp chí y học thực hành			885; 131-135	2013
12	Nghiên cứu tác dụng giảm đau sau mổ lấy thai bằng morphin ngoài màng cứng liều duy nhất	4		Tạp chí y học Việt Nam			1; 85-88	2014
13	So sánh tác dụng giảm đau trong chuyển dạ đẻ bằng gây tê ngoài màng cứng giữa Ropivacain 0,125% và Bupivacain 0,125%	3		Tạp chí y học Việt Nam			437/1; 59-62	2015
14	So sánh tác dụng gây tê tủy sống bằng Bupivacain kết hợp Clonidin với Bupivacain đơn thuần trong phẫu thuật lấy thai	3		Tạp chí y học Việt Nam			1; 135-138	2015

15	Đánh giá bước đầu về thuốc tê mới ropivacain trong gây tê tủy sống để mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	3		Tạp chí y dược lâm sàng 108			10/1; 91-94	2015
16	Đánh giá tác dụng vô cảm của gây tê tủy sống bằng hỗn hợp Ropivacain 0,5% - Fentanyl trong phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	3		Tạp chí y học Việt Nam			432/1; 88-91	2015
17	Nghiên cứu phương pháp giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển (PCA) với morphin tĩnh mạch sau mổ tim hở	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			2; 92-95	2015
18	Đánh giá hiệu quả của thuốc tê Regivell trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	4		Tạp chí y học Việt Nam			2; 69-73	2015
19	Trường hợp ngừng tuần hoàn trong mổ lấy thai ở bệnh nhân rau tiền đạo trung tâm	2		Tạp chí y học thực hành			988/12; 83-84	2015
20	So sánh ảnh hưởng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn của giảm đau trong chuyển dạ đẻ bằng gây tê ngoài màng cứng giữa Ropivacain 0,125% và Bupivacain 0,125%	3		Tạp chí y học Việt Nam			437/2; 113-117	2015
21	Nhân một trường hợp ngộ độc nước khi phẫu thuật nội soi trong buồng tử cung	2		Tạp chí y học Việt Nam			436/2; 138-141	2015
22	Bước đầu nghiên cứu ảnh hưởng của vị trí gây tê và tư thế sản phụ trong gây tê tủy sống bằng bupivacain 0,5% tỷ trọng cao phối hợp với Fentanyl trong mổ lấy thai	4		Tạp chí y học thực hành			952/2; 59-63	2015
23	Nhân một trường hợp nghi gan nhiễm mỡ cấp ở phụ nữ có thai	2		Tạp chí y học Việt Nam			438/2; 123-125	2016
24	Nghiên cứu phương pháp giảm đau trong chuyển dạ đẻ bằng	3		Tạp chí y học Việt Nam			441/1; 94-97	2016

	gây tê ngoài màng cứng tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội từ tháng 1/2010 đến tháng 10/2015							
25	Nghiên cứu phương pháp giảm đau sau mổ lấy thai bằng gây tê ngoài màng cứng với ropivacain 0,125%	2		Tạp chí y học thực hành			1015; 165-167	2016
26	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp gây tê tủy sống và ngoài màng cứng phối hợp để mổ và giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn tại bệnh viện Phụ sản Trung ương	2		Tạp chí y học thực hành			1015; 218-220	2016
27	Đánh giá hiệu quả điều trị nôn và buồn nôn sau mổ nội soi phụ khoa của ondansetron và dexamethason	3		Tạp chí y học Việt Nam			450/2; 31-33	2017
28	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp an thần do bệnh nhân tự điều khiển bằng propofol trong hút thai dưới 12 tuần	2		Tạp chí y học Việt Nam			456/1; 55-58	2017
29	Đánh giá tác dụng dự phòng tụt huyết áp của Rheosorbilact truyền trước khởi mê ở người cao tuổi	3		Tạp chí y học Việt Nam			456/2; 31-34	2017
30	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ đẻ của gây tê ngoài màng cứng bằng Ropivacain ở hai nồng độ 0,1% và 0,15% cùng phối hợp với fentanyl 2 mcg/ml	2		Tạp chí y học Việt Nam			457/2; 71-75	2017
31	Đánh giá hiệu quả của Phenylephrin điều trị tụt huyết áp trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2		Tạp chí y học Việt Nam			457/2; 20-24	2017
32	Nghiên cứu tác dụng giảm đau sau mổ nội soi cắt tử cung hoàn toàn của phương pháp tiêm thấm ropivacain 0,25% vào vị trí chọc trocar.	3		Tạp chí y dược lâm sàng 108			12/4; 110-114	2017

33	So sánh các tác dụng không mong muốn của Levobupivacain và Bupivacain cùng phối hợp fentanyl 1 mcg/ml và adrenalin 5 mcg/ml đường ngoài màng cứng để giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	3	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			12/4; 79-85	2017
34	Giá trị của siêu âm tim qua thực quản trong phẫu thuật ung thư thận có biến chứng huyết khối tĩnh mạch chủ dưới	1	x	Tạp chí y học Việt Nam			457/1; 30-33	2017
35	So sánh tác dụng dự phòng nôn và buồn nôn sau mổ nội soi phụ khoa của ondansetron với dexamethason	3		Tạp chí y học Việt Nam			450/1; 45-48	2017
36	Đánh giá hiệu quả vô cảm và khả năng kiểm soát đường thở khi gây mê bằng Sevofluran trong nội soi can thiệp đường hô hấp ở trẻ em	3		Tạp chí y học Việt Nam			458/1; 41-45	2017
37	Nghiên cứu các tác dụng không mong muốn của Rheosorbilact truyền trước khởi mê để dự phòng tụt huyết áp ở bệnh nhân cao tuổi	3	x	Tạp chí y học Việt Nam			456/1; 118-121	2017
38	Đánh giá sự thay đổi về tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn của phương pháp an thần do bệnh nhân tự điều khiển bằng Propofol trong hút thai	3	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			11/7; 132-136	2017
39	Đánh giá các tác dụng không mong muốn khi gây mê bằng Sevofluran trong nội soi phế quản ở trẻ em	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			459/1; 106-109	2017
40	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng của phương pháp giảm đau ngoài màng cứng do bệnh nhân tự điều khiển với Bupivacain và Fentanyl	1	x	Tạp chí y học Việt Nam			458/2; 78-82	2017

41	Đánh giá ảnh hưởng lên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn của an thần bằng propofol trong gây tê tủy sống để phẫu thuật tiết niệu, sinh dục	2		Tạp chí y học Việt Nam			458/2; 144-148	2017
42	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ đẻ của phương pháp gây tê cạnh cổ tử cung bằng Bupivacain 0,25%	3		Tạp chí y học Việt Nam			458/1; 105-108	2017
43	Nghiên cứu sự thay đổi các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của tiền sản giật nặng sau mổ lấy thai	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam			459/2; 101-105	2017
44	Đánh giá tình trạng trẻ sơ sinh sau mổ lấy thai của các sản phụ tiền sản giật nặng được vô cảm bằng gây mê toàn thân hoặc gây tê vùng	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam			459/2; 46-50	2017
45	Nghiên cứu các tác dụng không mong muốn của oxytocin trong mổ lấy thai khi tiêm tĩnh mạch trực tiếp có hay không pha loãng hoặc truyền tĩnh mạch	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam			459/2; 147-150	2017
46	So sánh tác dụng giảm đau trong chuyển dạ đẻ đường ngoài màng cứng bằng ropivacain 0,1% với levobupivacain 0,1%	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			12/8; 172-176	2017
47	Nhận xét kết quả của các phương pháp xử trí chảy máu sau đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2014	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			459/1; 168-171	2017
48	Nghiên cứu các tác dụng không mong muốn trên mẹ và con của Phenylephrin điều trị tụt huyết áp trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			12/9; 115-121	2017
49	Đặc điểm lâm sàng và gây mê hồi sức để mổ lấy thai ở bệnh nhân rau cài răng lược tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108			12/9; 108-114	2017

50	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn của giảm đau ngoài màng cứng sản khoa bằng ropivacain ở hai nồng độ 0,1% và 0,15% cùng phối hợp với fentanyl	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam			459/1; 59-62	2017
51	Đánh giá sự an toàn và các tác dụng không mong muốn của phương pháp giảm đau ngoài màng cứng do bệnh nhân tự điều khiển với Bupivacain và Fentanyl sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	1	x	Tạp chí y học Việt Nam			458/1; 188-191	2017
52	Đánh giá tác dụng trên cuộc chuyển dạ và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê cạnh cổ tử cung bằng bupivacain giảm đau trong chuyển dạ đẻ	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			13/3; 133-137	2018
53	So sánh tác dụng dự phòng tụt huyết áp của dung dịch Voluven 6% với Ringerlactat trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108			13/5; 51-56	2018
54	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật nội soi khớp gối của phương pháp gây tê liên tục thần kinh đùi kết hợp gây tê thần kinh hông to dưới hướng dẫn siêu âm	3		Tạp chí y dược lâm sàng 108			13/5; 75-81	2018
55	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ đẻ của gây tê ngoài màng cứng do sản phụ tự điều khiển bằng ropivacain ở các nồng độ và liều lượng khác nhau phối hợp với fentanyl	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108			13/2; 130-135	2018
56	So sánh tác dụng không mong muốn của gây tê ngoài màng cứng bằng hỗn hợp ropivacain – fentanyl với bupivacain – fentanyl để giảm đau trong chuyển dạ đẻ	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			13/4; 80-86	2018

57	So sánh các tác dụng không mong muốn của gây tê khoang cùng bằng levobupivacain – fentanyl với bupivacain – fentanyl trong phẫu thuật vùng dưới rốn ở trẻ em	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			13/5; 63-69	2018
58	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê tủy sống bằng ropivacain – fentanyl trong mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			464/2; 71-74	2018
59	So sánh tác dụng giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng của gây tê ngoài màng cứng bằng levobupivacain 0,075% với bupivacaine 0,075% cùng phối hợp với fentanyl và adrenalin	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			13/3; 138-143	2018
60	So sánh các tác dụng không mong muốn trên mẹ và con của giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê ngoài màng cứng do sản phụ tự điều khiển với Ropivacain ở các nồng độ khác nhau phối hợp với fentanyl	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108			13/3; 144-150	2018
61	Tìm hiểu tình trạng thai chậm phát triển trong tử cung ở thai phụ mắc hội chứng kháng phospholipid	2		Tạp chí y học Việt Nam			462/1; 141-144	2018
62	So sánh tác dụng của gây tê tủy sống bằng ropivacain các liều thấp khác nhau kết hợp fentanyl cho phẫu thuật phụ khoa vùng tầng sinh môn	2		Tạp chí y học Việt Nam			469/1 và 469/2; 118-121	2018
63	Đánh giá hiệu quả dự phòng tụt huyết áp của phenylephrin truyền liên tục trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2		Tạp chí y học Việt Nam			469/1 và 469/2; 152-155	2018

64	So sánh hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ của gây tê ngoài màng cứng do bệnh nhân điều khiển bằng ropivacain 0,1% và fentanyl 2 mcg/ml với các liều duy trì khác nhau	3		Tạp chí y học Việt Nam			471/1; 183-188	2018
65	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn khác của dung dịch Voluven 6% trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			464/2; 107-110	2018
66	Đánh giá ảnh hưởng trên hô hấp, tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn khác của giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển với morphin tĩnh mạch sau mổ tim hở	1	x	Tạp chí y học Việt Nam			464/2; 35-39	2018
67	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn của giảm đau sau mổ nội soi cắt tử cung hoàn toàn bằng tiêm ropivacain 0,25% vào vị trí chọc trocar	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			464/1; 75-78	2018
68	Nghiên cứu ảnh hưởng trên hô hấp, tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê tủy sống bằng bupivacain + morphin để mổ và giảm đau sau mổ lấy thai	1	x	Tạp chí y học Việt Nam			464/1; 30-34	2018
69	Đánh giá hiệu quả và tác dụng không mong muốn của gây tê ngoài màng cứng giảm đau trong chuyển dạ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	2		Tạp chí y học Việt Nam			477/2: 158-161	2019
70	Đánh giá sự hài lòng của sản phụ và nhân viên y tế với phương pháp gây tê ngoài màng cứng giảm đau trong chuyển dạ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			478/1; 63-65	2019

71	Nghiên cứu tác dụng không mong muốn trên mẹ và con của Phenylephrin truyền liên tục dự phòng tụt huyết áp trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			478/2: 63-66	2019
72	So sánh ảnh hưởng lên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê tủy sống bằng Ropivacain liều 5 mg; 6 mg hoặc 7 mg kết hợp Fentanyl cho phẫu thuật phụ khoa vùng tầng sinh môn	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			478/1: 119-122	2019
73	Đánh giá kết quả khởi phát chuyển dạ bằng sonde Cook trên thai quá ngày sinh	3		Tạp chí y học Việt Nam			478/2: 129-132	2019
74	So sánh các tác dụng không mong muốn của giảm đau sau phẫu thuật nội soi khớp gối bằng gây tê thần kinh đùi và thần kinh hông to dưới hướng dẫn siêu âm với gây tê ngoài màng cứng	3	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108			14/4; 63-68	2019
75	Đánh giá hiệu quả vô cảm của gây tê khoang cùng bằng levobupivacain - fentanyl với bupivacain - fentanyl trong phẫu thuật vùng dưới rốn ở trẻ em	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108			14/4; 28-33	2019
76	Hiệu quả giảm đau sau mổ lấy thai bằng phương pháp gây tê cơ vuông thắt lưng dưới hướng dẫn siêu âm.	3		Tạp chí nghiên cứu khoa học			123(7): 54-61	2019
77	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ lấy thai bằng gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng (TAP block) dưới hướng dẫn của siêu âm.	3		Tạp chí nghiên cứu khoa học			122(6): 82-88	2019

78	Đánh giá hiệu quả kiểm soát huyết áp bằng Nicardipin khi đặt nội khí quản trong gây mê mổ lấy thai ở bệnh nhân tiền sản giật tại bệnh viện Phụ sản Trung ương	3		Y học thực hành			1108/9; 57-61	2019
79	So sánh hiệu quả vô cảm của bupivacain với levobupivacain hoặc ropivacain cùng phối hợp với fentanyl trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai.	3		Tạp chí y học Việt Nam			488/2; 130-134	2020
80	So sánh ảnh hưởng trên tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê cơ vuông thắt lưng dưới hướng dẫn siêu âm với gây tê ngoài màng cứng để giảm đau sau mổ lấy thai.	2	X	Tạp chí y học Việt Nam			489/1: 122-126	2020
81	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn khác của giảm đau sau mổ lấy thai bằng gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng dưới hướng dẫn của siêu âm.	2	x	Tạp chí y học Việt Nam			488/1: 152-156	2020
82	So sánh hiệu quả vô cảm của bupivacain với levobupivacain hoặc ropivacain cùng phối hợp với fentanyl trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	3	x	Tạp chí y học Việt Nam			488/1: 120-123	2020

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT

(UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: 01 sách Chuyên khảo (Gây mê hồi sức cho sản phụ tiền sản giật, sản giật : Cơ sở lý luận và áp dụng lâm sàng. NXB Y học 2019. Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 17/7/2019).

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Đức Lam